

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC NHÓM ĐỂ NÂNG CAO KỸ NĂNG NÓI CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Hoàng Huệ

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt: Nói là một trong những kỹ năng quan trọng nhất mà hầu hết người học ngoại ngữ nào cũng mong muốn đạt được. Tuy nhiên, nó cũng được xem như là một kỹ năng khó. Nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra rằng để cải thiện kỹ năng nói của sinh viên, chúng ta phải giảm bớt sự lo lắng của người học và làm việc nhóm được xem như là một trong những phương pháp quý giá có thể giúp đạt được các mục tiêu trên nhằm mục đích bồi dưỡng khả năng nói. Bài báo này sẽ trình bày những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi học nói tiếng Anh và đề xuất “sử dụng phương pháp làm việc nhóm để nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên không chuyên tiếng Anh” nhằm giảm bớt lo lắng và khuyến khích giao tiếp giữa các sinh viên khi học nói tiếng Anh.

Từ khóa: phương pháp làm việc nhóm; kỹ năng nói tiếng Anh; sinh viên không chuyên.

Mở đầu

Nói là một trong những kỹ năng quan trọng nhất mà hầu hết người học ngoại ngữ nào cũng mong muốn đạt được. Đó là một kỹ năng quan trọng giúp bạn trở thành một người sử dụng ngôn ngữ thông thạo hơn; Nói là cơ hội để nhận thấy khoảng cách giữa những gì bạn muốn nói và những gì bạn có thể nói. Tại các trường đại học, tiếng Anh đã được dạy như một môn học bắt buộc. Hầu hết các sinh viên đều là sinh viên tiếng Anh không chuyên. Và nói là một kỹ năng khó đối với họ. Với kinh nghiệm giảng dạy nhiều năm, người viết nhận thấy trong các giờ học nói sinh viên thường giữ im lặng và cảm thấy lo lắng khi nói tiếng Anh. Sử dụng hoạt động nhóm hiệu quả tạo không khí lớp học sôi nổi, sinh viên cảm thấy thoải mái hơn, có động lực hơn và ít lo lắng hơn.

1. Kỹ năng Nói

1.1 Khái niệm kỹ năng Nói

Định nghĩa về kỹ năng nói tiếng Anh được các nhà khoa học đưa ra theo các cách khác nhau. Theo William và Andrade (2008), nói là việc sản sinh ra các phát ngôn bằng lời một cách có hệ thống để truyền tải nội dung. Một khái niệm khác cho rằng ngôn ngữ nói khác với ngôn ngữ viết. Ngôn ngữ nói bao gồm những phát ngôn (utterances) được sử dụng trong ngôn ngữ hàng ngày nhằm truyền đạt thông tin. Trong học ngoại ngữ nói chung và học tiếng Anh nói riêng,

nói dường như là kỹ năng quan trọng và khó phát triển nhất bởi nói là một hoạt động đòi hỏi người học phải trang bị đầy đủ kiến thức mới có thể giao tiếp được với người khác. Đây là lý do tại sao các hoạt động phát triển khả năng tự diễn đạt của người học thông qua nói dường như là một thành phần quan trọng nhất của một chương trình học ngoại ngữ.

Theo Mejilla và Salgado (2014), các hoạt động dành cho người học nên được thiết kế dựa trên hai tiêu chí cần đạt được với vai trò quan trọng như nhau đó là khả năng nói lưu loát và độ chính xác của lời nói. Bởi vì, đây là hai yếu tố quan trọng của việc giảng dạy ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp. Thornbury (2005) cho rằng khả năng nói lưu loát là khả năng trình bày vấn đề một cách dễ hiểu để không làm gián đoạn quá trình giao tiếp đang diễn ra khiến người nghe cảm thấy chán và không muốn tiếp tục nghe. Littlewood (2007) thì diễn tả nói lưu loát là khả năng trả lời một cách chặt chẽ, mạch lạc thông qua việc kết hợp các từ và các cụm từ với nhau, phát âm các âm rõ ràng và có sử dụng trọng âm và ngữ điệu khi nói. Tính chính xác là đặc điểm quan trọng thứ hai của hoạt động nói. Nếu người học muốn nói lưu loát thì họ cần phải chú trọng đến cả tính chính xác của cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, cũng như cách phát âm trong khi nói.

1.2 Dạy kỹ năng Nói theo phương pháp tiếp cận CLT (Communicative Language Teaching)

Theo Nunan (2004), ý nghĩa của việc dạy nói là dạy người học tạo ra âm thanh và các mẫu âm thanh giọng nói tiếng Anh, sử dụng trọng âm của từ và câu, các mẫu ngữ điệu và nhịp điệu của ngôn ngữ thứ hai, để chọn các từ thích hợp và đặt câu theo bối cảnh xã hội, đối tượng, tình huống và chủ đề phù hợp, để sắp xếp suy nghĩ của họ theo một trình tự hợp lý và có ý nghĩa, sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện thể hiện các giá trị và phán đoán và sử dụng ngôn ngữ một cách nhanh chóng và tự tin với ít khoảng dừng bất thường, được gọi là sự trôi chảy.

Giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp (CLT) dựa trên các tình huống thực tế yêu cầu giao tiếp. Bằng cách sử dụng phương pháp này trong các lớp học, sinh viên sẽ có cơ hội giao tiếp với nhau bằng ngôn ngữ đích. CLT là một cách tiếp cận có ảnh hưởng trong những thập kỷ qua với mục đích “*học cách giao tiếp bằng cách giao tiếp*” (Kayi, 2006). Năng lực giao tiếp - mục tiêu cuối cùng của CLT - đề cập đến hệ thống cơ bản của kiến thức và kỹ năng cần thiết cho giao tiếp. Hơn nữa, “năng lực giao tiếp là khía cạnh năng lực của chúng ta cho phép chúng ta truyền đạt và diễn giải các thông điệp và đàm phán ý nghĩa giữa các cá nhân với nhau trong những bối cảnh cụ thể”. Khái niệm năng lực giao tiếp cũng được mô tả theo bốn khía cạnh là năng lực ngữ pháp (năng lực ngữ pháp và từ vựng), năng lực xã hội học (khả năng hiểu và tạo ra ngôn ngữ phù hợp trong bối cảnh xã hội mà giao tiếp xảy ra) và năng lực diễn ngôn (khả năng sử dụng các chiến lược giao tiếp để bắt đầu và chuyên hướng giao tiếp).

Việc thực hiện thành công hơn các nguyên tắc giao tiếp có lẽ được tìm thấy trong cả chương trình giảng dạy dựa trên nội dung và dựa trên nhiệm vụ. Các chương trình dựa trên nội dung liên quan đến việc giảng dạy nội dung chủ đề bằng ngôn ngữ đích, nó gắn với thực tế giao tiếp của ngôn ngữ đích hơn là các hoạt động trong lớp học vốn chỉ được thiết kế để có những đặc điểm nhất định của diễn ngôn tự nhiên. Nó cũng có khả năng thúc đẩy người học nhiều hơn khi họ có mức độ quan tâm đến chủ đề. Và mục đích của nó là giúp học sinh phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp trong các tình huống khác nhau. Nunan (2004) cho rằng nhiệm vụ là “một phần công việc hoặc một hoạt động, thường là với một mục tiêu cụ thể, được thực hiện như một phần của khóa học giáo dục, tại nơi làm việc hoặc được sử dụng để lấy dữ liệu cho nghiên cứu”. Các định nghĩa trên

chỉ ra rằng ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp thực tế, trong đó người học được yêu cầu tập trung vào ý nghĩa hơn là cấu trúc ngôn ngữ và mang lại “khả năng thực hiện một số chức năng giao tiếp thông qua một phương tiện mới”

Dạy học theo nhiệm vụ dựa trên nhu cầu giao tiếp của người học; do đó cần phải sử dụng phân tích nhu cầu. Phân tích nhu cầu giúp giáo viên xác định chính xác sở thích của nhóm đối tượng. Thông tin thu được cho phép giáo viên hoạch định một chương trình giảng dạy hiệu quả và thực tiễn.

Nói chung, khi tham gia dạy học dựa trên nhiệm vụ hoặc nội dung theo phương pháp CLT, người học có được kinh nghiệm về cách giao tiếp, giải quyết vấn đề, tìm hiểu thông tin, tổ chức và trình bày thông tin một cách logic. Vì vậy, giáo viên có thể linh hoạt chọn chương trình dựa trên nhiệm vụ hoặc dựa trên nội dung hoặc kết hợp cả hai trong các bối cảnh giảng dạy khác nhau.

1.3 Các vấn đề thường gặp khi triển khai hoạt động Nói

Các hoạt động trong lớp nhằm phát triển khả năng diễn đạt của người học thông qua giọng nói là một bước quan trọng của khóa học ngôn ngữ áp dụng CLT. Tuy nhiên, việc thiết kế và quản lý các hoạt động đó khó hơn là nghe, đọc hoặc viết. Theo Ur (1996), giáo viên thường gặp những vấn đề sau:

* Đầu tiên là “*lo lắng*”. Người ta giải thích rằng không giống như các hoạt động đọc, viết và nghe, nói đòi hỏi một mức độ tiếp xúc trong thời gian thực với khán giả. Sinh viên thường có xu hướng cố gắng nói điều gì đó bằng ngoại ngữ trong lớp học vì họ lo lắng về việc mắc lỗi, sợ bị chỉ trích hoặc mất mặt, hoặc chỉ đơn giản là ngại giao tiếp.

* Không có gì để nói là vấn đề thứ hai. Giáo viên thường nghe sinh viên phàn nàn rằng họ không thể nghĩ ra bất cứ điều gì để nói. Họ có thể không có động lực để thể hiện bản thân. Vấn đề này cũng được Nunan (2004) đề cập và cần phải giải quyết.

* Hơn nữa, sự tham gia hoạt động nói không đồng đều là một trong những trở ngại của giáo viên. Trong một nhóm lớn, chỉ có một vài người tham gia nói, điều này có nghĩa là mỗi người chỉ có rất ít thời gian để nói chuyện. Vấn đề này là do xu hướng của một số người học tốt chiếm ưu thế trong nhóm, trong khi những người khác nói rất ít hoặc hoàn toàn không nói.

* Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ cũng là một vấn

đề. Khi tất cả hoặc một số người học sử dụng chung một ngôn ngữ mẹ đẻ, họ có thể có xu hướng sử dụng nó. Điều này xảy ra bởi vì nó dễ dàng hơn và việc nói chuyện với nhau bằng ngoại ngữ khác là không tự nhiên. Kayi (2006) cho rằng vấn đề này sẽ xảy ra nếu nhiệm vụ hoặc hoạt động không được “đưa ra ở mức độ phù hợp với sinh viên”. Nếu yêu cầu về ngôn ngữ cao quá, họ có thể trở lại ngôn ngữ đầu tiên của họ, tương tự như vậy nếu nhiệm vụ quá dễ dàng, họ có thể cảm thấy nhàm chán và chuyển sang ngôn ngữ đầu tiên.

Để giải quyết vấn đề, Kayi (2006) tin rằng với tư cách là một giáo viên, bạn cần làm cho các hoạt động nói đủ thú vị để thu hút sự quan tâm của sinh viên và tạo ra nhu cầu giao tiếp thực sự. Nói một cách dễ hiểu, trong lớp học đề tạo ra các hoạt động nói thành công trong đó người học được nói nhiều, có động lực cao tham gia giao tiếp đòi hỏi rất nhiều nỗ lực của giáo viên trong việc thiết kế và thực hiện các hoạt động nói.

2. Làm việc nhóm

Nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra rằng để cải thiện kỹ năng nói của học sinh, chúng ta phải giảm bớt sự lo lắng của người học và làm việc nhóm là một trong những kỹ thuật quý giá có thể giúp đạt được các mục tiêu trên nhằm mục đích bồi dưỡng khả năng nói. Làm việc nhóm có thể tạo ra bầu không khí thoải mái và cộng đồng thân mật cần thiết để người học chấp nhận rủi ro khi nói.

2.1 Định nghĩa về làm việc nhóm.

Killen (2006) chỉ ra rằng “Làm việc nhóm xảy ra khi bạn yêu cầu hai hoặc nhiều học sinh làm việc cùng nhau”. Ông đã phân loại ra ba loại công việc nhóm được gọi là: *nhóm học tập không chính thức, nhóm học tập chính thức và nhóm nghiên cứu*.

Các nhóm học không chính thức là các nhóm tạm thời đặc của học sinh trong một buổi học duy nhất. Bạn có thể lập nhóm từ ba đến năm người để giải quyết một vấn đề hoặc đặt ra một câu hỏi. Bạn cũng có thể tổ chức các nhóm không chính thức bất kỳ lúc nào trong một lớp học với quy mô bất kỳ để kiểm tra mức độ hiểu biết của sinh viên về tài liệu, để tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng những gì họ đang học hoặc để thay đổi tốc độ.

Các nhóm học tập chính thức là các nhóm được thành lập để hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể, chẳng hạn như viết báo cáo hoặc thực hiện một dự án. Các nhóm này có thể hoàn thành công việc của họ trong một buổi học duy nhất hoặc trong vài tuần. Thông thường, học sinh

làm việc cùng nhau cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ và dự án của họ được xếp loại.

Nhóm nghiên cứu là các nhóm dài hạn (thường tồn tại trong suốt một học kỳ) với số lượng thành viên ổn định, có trách nhiệm chính là cung cấp cho các thành viên sự hỗ trợ, khuyến khích và giúp đỡ để hoàn thành các yêu cầu và bài tập của khóa học. Các nhóm nghiên cứu cũng thông báo cho các thành viên của họ về các bài giảng và bài tập khi ai đó đã bỏ lỡ một buổi học. Lớp học càng lớn và chủ đề càng phức tạp, thì nhóm nghiên cứu càng có giá trị.

2.2 Những lợi thế của làm việc nhóm

Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra làm việc nhóm tạo ra bầu không khí thoải mái. Vì vậy, làm thế nào để làm việc nhóm có thể giảm bớt lo lắng, tăng cường giao tiếp và thúc đẩy bầu không khí nói chuyện tốt hơn? Killen (2006) chỉ ra rằng làm việc nhóm cho phép sinh viên chủ động kiểm soát các hoạt động giao tiếp từ đó giảm lo lắng, tạo môi trường giao tiếp. Hơn nữa, làm việc nhóm với số lượng thành viên ít hơn tạo ra một bầu không khí thân mật.

Thứ hai, làm việc nhóm tạo ra cảm giác an toàn. Như đã thảo luận, sinh viên sợ xấu hổ trước các sinh viên khác mặc dù họ có mong muốn cải thiện tiếng Anh của mình. Tuy nhiên, khi họ ở trong một nhóm nhỏ, nơi họ nhận ra rằng bạn bè của họ cũng cảm thấy như vậy. Một phân tích khác về lý do tại sao sinh viên cảm thấy yên tâm khi làm việc nhóm: “những sinh viên yếu hơn sẽ không phải là những người duy nhất phải chịu trách nhiệm hoặc bị mất mặt nếu trả lời sai” (Thornbury, 2005).

Ưu điểm thứ ba của làm việc nhóm là nó cho phép sinh viên tham gia nhiều hơn và tích cực hơn. Kayi (2006) nhận thấy rằng “làm việc nhóm cung cấp nhiều cơ hội hơn cho người học để bắt đầu và kiểm soát sự tương tác, tạo ra nhiều hành vi lời nói hơn nhiều và tham gia vào cuộc giao tiếp một cách tích cực hơn”.

3. Ứng dụng thực tế phương pháp làm việc nhóm để cải thiện kỹ năng Nói cho sinh viên không chuyên tiếng Anh.

Tác giả đã ứng dụng hiệu quả phương pháp làm việc nhóm khi giảng dạy học phần Anh văn thương mại căn bản 2 cho sinh viên khóa D11 chuyên ngành Kế toán. Giáo trình giảng dạy là *Market Leader – Pre-intermediate Business English course book and practice file (New Edition)* (Tác giả David Cotton, David Falvey, Simon Kent, NXB Khoa học Xã hội). Cuốn sách bao gồm 12 đơn vị bài học với các chủ đề phong phú, đa dạng liên quan đến kinh tế.

Qua điều tra sơ bộ, một bảng câu hỏi đã được tiến hành để tìm ra nguyên nhân gây ra sự im lặng trong các bài học Nói. Các câu hỏi tập trung vào tầm quan trọng của kỹ năng nói và điều gì đã ngăn cản họ tham gia các hoạt động Nói. Từ đó, tác giả đã tìm ra một số nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên thường xuyên im lặng trong các giờ học nói ví dụ như do một số sinh viên nhút nhát, lo lắng sợ mắc lỗi khi nói, sợ bị phê bình và mất mặt trước các bạn trong lớp; hoặc do các chủ đề nói phức tạp, không gần gũi quen thuộc hoặc do một số học sinh nói khá thông thạo tiếng Anh... Các vấn đề này dần dần được khắc phục và cải thiện nhờ vào việc giáo viên ứng dụng hiệu quả phương pháp làm việc nhóm. Sinh viên bắt đầu tích cực hơn trong giờ học nói. Những sinh viên rụt rè đã tìm thấy cơ hội nói tiếng Anh của mình. Các em có nhiều thời gian và cơ hội để thực hành tiếng Anh trong lớp. Hầu hết họ thấy thích thú khi làm việc theo nhóm trong các bài học nói. Họ đồng ý rằng các hoạt động làm việc nhóm tạo ra một bầu không khí tích cực giúp họ cảm thấy thoải mái hơn khi giao tiếp trong một nhóm nhỏ hơn là trước mặt giáo viên hoặc cả lớp. Tuy nhiên, làm việc nhóm hiệu quả trong lớp học không tự động xảy ra, nó đòi hỏi sự tham gia cẩn thận của giáo viên để thành công. Trước tiên giáo viên bắt đầu bằng việc lập kế hoạch và chuẩn bị cho hoạt

động làm việc nhóm. Sau đó vai trò trung tâm của giáo viên rất quan trọng. Nghĩa là, khi một hoạt động bắt đầu, sự luân chuyển của giáo viên từ nhóm này sang nhóm khác rồi việc phân công vai trò cho từng thành viên trong nhóm là rất cần thiết. Thông qua thư ký nhóm giáo viên nắm được việc lạm dụng tiếng Việt của sinh viên. Qua nghiên cứu, hầu hết sinh viên được phỏng vấn đều cho rằng trong khi làm việc nhóm không thể tránh khỏi việc sử dụng tiếng Việt. Đó là do họ có thói quen từ thời trung học: sinh viên thường sử dụng tiếng Việt trong các giờ học tiếng Anh. Vì vậy, ngay từ đầu năm thứ nhất tại các trường cao đẳng, đại học, họ không thể chuyển ngay sang tiếng Anh. Nguyên nhân thứ hai là do vốn từ vựng của sinh viên còn hạn chế. Để duy trì một cuộc thảo luận dài hoàn toàn bằng tiếng Anh gây không ít khó khăn cho các em. Ví dụ như khi thực hành giao tiếp, sinh viên gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng, họ ngay lập tức chuyển sang sử dụng tiếng Việt. Qua nghiên cứu thực nghiệm, sau khi giảng viên áp dụng một số kỹ thuật trong phương pháp làm việc nhóm như việc phân chia cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm hay là sự sắp xếp hợp lý các bạn giỏi xen kẽ trong mỗi nhóm nhỏ để giúp đỡ các bạn yếu hơn đã ngăn chặn thói quen xấu này của sinh viên. Kết quả các lần làm việc nhóm cụ thể như sau:

Nhóm	Số lượng sinh viên qua các lần làm việc nhóm	Tần suất sử dụng tiếng Việt trong giờ học Nói					
		Trước khi chưa sử dụng phương pháp làm việc nhóm			Sau khi sử dụng phương pháp làm việc nhóm		
		Hoạt động 1	Hoạt động 2	Tổng	Hoạt động 1	Hoạt động 2	Tổng
1	5	8	6	14	4	3	7
	5	4	4	8	3	3	6
	4	6	4	10	4	2	6
	5	5	4	9	3	3	6
2	5	8	7	15	2	2	4
	5	6	8	14	4	3	7
	4	4	6	10	2	1	3
	5	5	5	10	3	1	4
3	5	4	5	9	3	3	6
	5	7	5	12	4	2	6
	4	5	5	10	2	3	5
	5	4	3	7	4	2	6
4	5	6	4	10	2	2	4
	5	4	3	7	2	3	5
	4	5	4	9	3	3	6
	5	3	3	6	2	3	5
5	5	5	6	11	4	3	7
	5	4	5	9	3	2	5

	4	6	6	12	4	1	5
	5	5	5	10	4	1	5
Tổng				202			108

Từ bảng kết quả trên nhận thấy rất rõ tần suất sử dụng tiếng Việt của các nhóm trong các hoạt động trước và sau can thiệp trong giờ học Nói đã giảm rõ rệt. Đồng thời, cùng với sự giúp đỡ của giáo viên và các bạn khác, giới trong nhóm, kỹ năng nói của các sinh viên yếu hơn đã dần dần được cải thiện. Các em dần dần cảm thấy tự tin, tích cực, hứng thú hơn, có động lực hơn trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

4. Đề xuất một số giải pháp trong việc sử dụng phương pháp làm việc nhóm

Killen (2006) cho rằng thường có những khó khăn liên quan đến việc làm rõ mục tiêu của nhóm, sự tương tác trong nhóm, động cơ hoặc cảm xúc của các thành viên trong nhóm. Từ nghiên cứu thực tế trong giảng dạy, tác giả xin đưa ra những trở ngại mà giáo viên thường gặp phải và đề xuất một số giải pháp khi thực hiện công việc nhóm như sau:

Một là, giáo viên nên đưa ra các quy tắc rõ ràng cho hoạt động làm việc nhóm trước khi tiến hành để đảm bảo rằng công việc nhóm phù hợp và thú vị đối với sinh viên. Điều này sẽ giúp sinh viên hiểu những gì họ phải làm trong các nhiệm vụ và tính cần thiết của việc hỗ trợ làm việc nhóm cũng như nhu cầu của việc sử dụng ngôn ngữ đích thường xuyên hơn. Hiệu quả của hoạt động làm việc nhóm phụ thuộc rất nhiều vào sự rõ ràng của các định hướng được cung cấp cho sinh viên. Giáo viên cũng nên đi quanh lớp để theo dõi các nhóm và hỗ trợ khi cần thiết.

Hai là, thành công của hoạt động làm việc nhóm phụ thuộc rất nhiều vào các nhiệm vụ được giao. Nếu các nhiệm vụ phức tạp, học sinh sẽ khó hoàn thành. Nhưng nếu các nhiệm vụ đơn giản, điều này sẽ khiến học sinh chán và không hứng thú thực hiện chúng.

Ba là, phân chia nhóm sinh viên phù hợp với các trình độ khác nhau sẽ là một môi trường tốt để sinh viên cải thiện kỹ năng nói của mình. Phân nhóm phù hợp giúp rào cản giữa sinh viên

tốt và sinh viên yếu hơn bị phá bỏ và sự hỗ trợ lẫn nhau sẽ được tạo ra.

Kết luận

Trong bài báo này, người viết đã trình bày rất cụ thể một số trở ngại mà sinh viên gặp phải khi học nói tiếng Anh để từ đó đề xuất giải pháp sử dụng phương pháp làm việc nhóm nhằm nâng cao, cải thiện kỹ năng nói cho các em. Có thể nói rằng các hoạt động làm việc nhóm đã giúp ích hữu hiệu trong việc giảm bớt sự lo lắng cho sinh viên khi nói tiếng Anh. Sử dụng hoạt động nhóm hiệu quả sẽ giúp không khí lớp học sôi nổi, tạo môi trường thoải mái giúp sinh viên tự tin, có động lực hơn khi giao tiếp./.

Tài liệu tham khảo

1. Kayi, H. (2006), *Teaching Speaking: Activities to Promote Speaking in a Second Language*. Internet TESL Journal, Vol. XII, No. 11, Nov 2006. Retrieved from <http://iteslj.org/Articles/Kayi-TeachingSpeaking.html>.
2. Killen, R (2006), *Effective teaching strategies- Lessons from research and practice*. Thomson Social science press
3. Littlewood, W. (2007), *Communicative Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Mejilla, F, C & Salgado, K, A. (2014), *The methodological strategies in the learning-process of the English language*.
5. Nunan, D. (2004), *Practical English Language Teaching*. New York: McGraw-Hill.
6. Thornbury, S. (2005), *How to Teach Speaking*. Harmer, J. (Ed). London: Longman.
7. Williams, K. E., & Andrade, M. R. (2008), *Foreign language learning anxiety in Japanese EFL university classes: Causes, coping, and locus of control*. Foreign Language Teaching, 181-191.

USING TEAM-WORKING TO PROMOTE SPEAKING SKILL FOR NON-MAJOR ENGLISH STUDENTS

Nguyen Thi Hoang Hue

Hoa Lu University

***Abstract:** Speaking is one of the most important skills that most language learners desire to achieve. However, it is also regarded as a difficult skill. Many researchers point out that in order to improve students' speaking skills, we must alleviate their anxiety and teamwork is seen as one of the valuable methods which can help achieve these goals. This article will present the difficulties students face when learning to speak English and proposes "using group work methods to improve speaking skills for non-English proficient students" to reduce anxiety and encourage communication among students when learning to speak English.*

***Keywords:** team-working; English speaking skill; non-major students*